

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-BNV ngày 29/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021; Quyết định số 362/QĐ-BNV ngày 06/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) năm 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2021, Chỉ số CCHC tỉnh Gia Lai đạt 86,17/100 điểm, cao hơn năm 2020 là 1,36 điểm (năm 2020 là 84,81/100 điểm) và xếp vị trí thứ 42/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 21 bậc so với năm 2020 (năm 2020 xếp vị trí thứ 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai đạt 86%, thấp hơn năm 2020 là 0,41%, xếp vị trí thứ 45/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thấp hơn 17 bậc so với năm 2020 (năm 2020 là 86,41%, xếp vị trí thứ 28/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chỉ số thành phần trong Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong triển khai thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nâng cao hiệu quả CCHC trên địa bàn tỉnh; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2021. Phấn đấu Chỉ số CCHC; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh năm 2022 tăng điểm và tăng hạng so với năm 2021.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện kế hoạch phải đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các nội dung, tiêu chí đánh giá của Bộ Nội vụ.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đặc biệt là các cơ quan theo dõi, phụ trách các lĩnh vực của công tác CCHC đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số CCHC.

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh phải tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác CCHC.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tập trung khắc phục, cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn tồn tại, hạn chế

1.1. Tiêu chí “Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoàn thành đúng tiến độ 100% các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao; quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ; thường xuyên rà soát lại những nhiệm vụ được giao, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm, quan tâm chỉ đạo thực hiện để hoàn thành đúng tiến độ tất cả các nhiệm vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo nhiệm vụ được giao.

1.2. Tiêu chí thành phần “Công khai thủ tục hành chính (TTHC) trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền của tỉnh được công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh, Cổng DVC của

tỉnh; 100% sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc công khai TTHC; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra trang TTĐT của các đơn vị, địa phương sau khi có Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên đôn đốc các đơn vị, địa phương tăng cường cung cấp thông tin lên Cổng TTĐT/Trang TTĐT; phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành Cổng DVC tỉnh Gia Lai đảm bảo hoạt động ổn định, bảo mật, an toàn thông tin, kết nối, đồng bộ dữ liệu về với Cổng DVC Quốc gia.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời cập nhật danh mục, thông tin TTHC của tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời các TTHC được cung cấp thông tin trên Trang TTĐT khi có thay đổi.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Sau khi có quyết định công bố TTHC.

1.3. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”; Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai yêu cầu các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện xác định nguyên nhân tại một số Chi nhánh có tỷ lệ hồ sơ chậm trễ cao từ đó có giải pháp khắc phục cụ thể nhằm giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết thuộc lĩnh vực đất đai.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, giải quyết hồ sơ trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- + Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.4. Tiêu chí thành phần “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Thanh tra tỉnh tăng cường triển khai công tác thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Tiếp tục quán triệt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm nêu gương trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy trình giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương như: quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị... bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cấp trên và phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tăng cường trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đảm bảo công khai dân chủ trong công tác tổ chức cán bộ, công khai tài chính...

+ Xây dựng kế hoạch và thường xuyên kiểm tra công vụ trong việc thi hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm tạo điều kiện để công chức, người lao động và nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của công chức, người lao động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong mọi mặt của đời sống xã hội.

+ Chú trọng đến công tác phòng ngừa, tạo môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, xây dựng tập thể đơn vị đoàn kết, không ngừng nâng cao ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật của công chức, viên chức, người lao động. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, kỷ cương tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.5. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Nội vụ rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; tiếp tục khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập, bồi dưỡng.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp xã cho từng năm và cả nhiệm kỳ. Tổ chức rà soát để có phương án đào tạo, bồi dưỡng đối với những người còn thiếu tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, xây dựng phương án bố trí, sắp xếp sang vị trí công tác khác đối với những người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng không hoàn thành đúng thời gian quy định.

+ Đối với cán bộ lớn tuổi ở cấp xã hiện nay, nếu không đáp ứng đủ trình độ chuyên môn, không có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thì có thể giải quyết theo chế độ thôi việc để kiện toàn và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cho phù hợp với quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.6. Tiêu chí thành phần “Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện giải ngân 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đối với các sở, ban, ngành tỉnh:

+ Các sở, ngành chuyên môn tích cực triển khai công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình, phối hợp với các đơn vị làm chủ dự án đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện dự án; báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho từng công trình, dự án. Huy động các lực lượng trong hệ thống chính trị tập trung tuyên truyền vận động, tạo sự đồng thuận của nhân dân, quyết liệt thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án.

+ Kiện toàn năng lực quản lý dự án của các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án theo hướng chuyên môn hóa, giảm kiêm nhiệm, tăng cường đào tạo công tác quản lý dự án, người đứng đầu các địa phương hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh khi để mất vốn, cắt vốn vì những nguyên nhân chủ quan, kiên quyết thay thế các trường hợp yếu kém về năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm vốn đối với các dự án triển khai chậm; bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành cao, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch được giao, xử lý nghiêm các trường hợp để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Tìm nguồn vốn ứng trước để thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình sử dụng nguồn sử dụng đất.

- Đối với các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án:

+ Tập trung triển khai quyết liệt công tác xây dựng cơ bản; đối với các công trình chuyển tiếp tập trung đẩy nhanh tiến độ, đối với khởi công mới khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư, tổ chức đấu thầu và khởi công công trình.

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng công trình, dự án (trong đó, nêu rõ mốc thời gian hoàn thành từng công đoạn từ lập chủ trương đầu tư đến khi thanh, quyết toán); kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm nộp thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành; kịp thời báo cáo và đề xuất UBND tỉnh, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở chuyên ngành tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.

+ Định kỳ hằng tuần, tháng, quý, năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022, các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

+ Đối với công tác giải phóng mặt bằng: Các chủ đầu tư, các huyện, thị xã, thành phố phối hợp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ các vị trí còn vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, đảm bảo có mặt bằng sạch để khởi công công trình ngay sau khi lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng thi công xây lắp.

- Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan:

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án quan trọng, dự án cấp thiết đang đầu tư dở dang. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gấn kết quả giải ngân

với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến hết niên độ ngân sách các chủ đầu tư phải giải ngân đạt 100% kế hoạch được giao; xem đây là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức liên quan theo quy định.

+ Các sở, ban, ngành và các chủ đầu tư tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách, TTHC về đầu tư công, xây dựng, tài nguyên, đất đai, quản lý, cấp phép khai thác đối với nguyên liệu đầu vào phục vụ cho các dự án đầu tư công.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022 và đầu năm 2023.

1.7. Tiêu chí thành phần “Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính:

+ Sau khi thanh tra, kiểm toán kết thúc, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch khắc phục kiểm toán, trong kế hoạch ghi rõ cụ thể thời gian hoàn thành đối với các đơn vị, địa phương.

+ Triển khai một số nội dung như: Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước; Thường xuyên theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Các đơn vị được kiểm toán:

+ Cần nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước về thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, rà soát lại các tồn tại trong quản lý tài chính kế toán, điều hành, thanh toán và quyết toán kinh phí.

+ Tự tổ chức kiểm tra, rà soát lại kết quả kiểm toán, nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán đúng thời gian quy định và phải gửi báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán về Sở Tài chính, UBND tỉnh. Với các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước còn chưa phù hợp, không còn tính khả thi, khó khăn trong thực hiện, đơn vị được kiểm toán cần chủ động báo cáo giải trình kịp thời với cơ quan cấp trên và Kiểm toán nhà nước để được xem xét, giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.8. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập”:

- a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai phạm.
- b) Nhiệm vụ, giải pháp:
 - Sở Tài chính:
 - + Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.
 - + Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.
 - Các cơ quan, đơn vị, địa phương:
 - + Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.
 - + Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.
 - + Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.
 - + Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.9. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hạn chế tối đa văn bản đi được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục tăng cường trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử, chỉ trao đổi một số văn bản dưới dạng điện tử song song với bản giấy khi quy định của pháp luật có yêu cầu.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại Công văn số 8363/VPCP-KSTT ngày 17/9/2019 và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại Công văn số 11796/VPCP-KSTT ngày 26/12/2019 về gửi, nhận văn bản điện tử.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.10. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan, rà soát, tích hợp tất cả các DVCTT đủ điều kiện lên Cổng DVC quốc gia.

- Các đơn vị, địa phương phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh rà soát các TTHC, tái cấu trúc quy trình để đảm bảo thực hiện trên môi trường điện tử; phối hợp, đề xuất cấp, tạo lập các mã định danh điện tử cho các TTHC chưa được cấp để tích hợp lên Cổng DVC quốc gia.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.11. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm”; Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Từ 50% trở lên TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm; hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 từ 50% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp kỹ thuật để tăng cường đảm bảo về an toàn và an ninh thông tin cá nhân khi sử dụng DVCTT mức độ 3 và 4.

+ Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để duy trì kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh, nâng cao tỷ lệ tích hợp các DVCTT lên Cổng DVC Quốc gia.

+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện cung cấp DVCTT mức độ 3 và 4 theo quy định; đưa các tiêu chí về cung cấp DVCTT mức độ 3 và 4 gắn với các tiêu chí đánh giá xây dựng Chính quyền điện tử, CCHC hằng năm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Tiếp tục xây dựng, chuẩn hóa các DVCTT mức độ 3 và 4 trên các thiết bị di động thông minh; qua ứng dụng Zalo... để tạo thuận tiện cho công dân, doanh nghiệp.

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu giải quyết hồ sơ trực tuyến cho từng đơn vị, địa phương.

- Bưu điện tỉnh Gia Lai:

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Bưu điện tỉnh trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI.

+ Phối hợp với các đơn vị, địa phương để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện DVCTT mức độ 3 và 4; tiếp tục đào tạo, tập huấn cho nhân viên Bưu điện cách sử dụng phần mềm DVCTT mức độ 3 và 4, hiểu về quy trình TTHC của từng đơn vị để hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT mức độ 3 và 4 khi thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ TTHC (hiện nay hầu hết các đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố đã chuyển giao Bưu điện tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ).

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh: Phối hợp, tuyên truyền, vận động hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các DVCTT mức độ 3 và 4; sử dụng dịch vụ BCCI; kịp thời phản ánh các nội dung còn chưa đạt về Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý, nếu vượt quá thẩm quyền Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Công văn số 1094/UBND-NC ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực

hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; Công văn số 1889/UBND-NC ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng DVC Quốc gia; Công văn số 2083/UBND-NC ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai văn bản số 8836/VPCP-KSTT ngày 03/12/2021 của Văn phòng Chính phủ.

+ Các cơ quan nhà nước khi thực hiện các TTHC với cơ quan hành chính nhà nước khác thì không được nộp trực tiếp, phải nộp trực tuyến để từng bước đẩy mạnh việc sử dụng các DVCTT mức độ 3 và 4.

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết TTHC, thực hiện đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, tổ chức và doanh nghiệp tích cực sử dụng và hiểu được lợi ích của việc sử dụng các DVCTT mức độ 3 và 4; có thể tham khảo, áp dụng các giải pháp đã thực hiện ở các đơn vị đã đạt tiêu chí ở năm 2021 hoặc các đơn vị đang có tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo hình thức trực tuyến trong các tháng đầu năm 2022 để áp dụng tại đơn vị, địa phương mình.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.12. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Từ 50% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục phối hợp, tổ chức thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 784/UBND-NC ngày 22/4/2022 về việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp, tuyên truyền, vận động hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ BCCI trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC.”

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.13. Tiêu chí “Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Năm 2022 cao hơn năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tiếp tục tham mưu, xin ý kiến UBND tỉnh để sửa đổi quy trình đăng ký triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (thay thế văn bản số 2332/SKHĐT-DN ngày 22/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư); tiếp tục thực hiện cải cách TTHC nhằm giải quyết hồ sơ đăng ký đầu tư với thời gian nhanh nhất và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư;

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tuần cho UBND tỉnh về tình hình xử lý hồ sơ, giải quyết khó khăn, vướng mắc các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh để UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc. Trong đó có các dự án điện gió, điện mặt trời đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.14. Tiêu chí “Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên từ 20% trở lên so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Làm việc với các huyện, thị xã, thành phố về kế hoạch phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và các giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả trong năm 2022.

- Hỗ trợ và đề nghị UBND cấp huyện triển khai một số giải pháp phát triển doanh nghiệp:

+ Tích cực triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp năm 2022 trên địa bàn và giao chỉ tiêu cụ thể phát triển doanh nghiệp cho các đội thuế trực tiếp quản lý địa bàn kinh doanh tại các phường, xã; Phòng Tài chính – Kế hoạch... trực thuộc UBND cấp huyện. Đưa chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp vào nội dung định kỳ đánh giá hàng tháng của địa phương.

+ Tăng cường vận động, tuyên truyền và hỗ trợ các hộ kinh doanh có đủ điều kiện để chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp. Nên chú trọng tổ chức tuyên truyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp. Một số chính sách hỗ trợ gồm: Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập

doanh nghiệp; Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu hoạt động; Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các TTHC thuế và chế độ kế toán.

- Tiếp tục phát huy tổ vận động, hỗ trợ và tư vấn pháp lý để trực tiếp làm việc, tuyên truyền, khuyến khích các hộ kinh doanh có doanh thu và khả năng nộp thuế ổn định chuyển đổi sang đăng ký thành lập và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

- Chỉ đạo cho cơ quan thuế tại địa phương tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lượng lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên...) để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp.

- Chỉ đạo cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc UBND cấp huyện tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đăng ký thành lập doanh nghiệp ngay khi các cá nhân, hộ gia đình đến làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương (hỗ trợ 1 triệu đồng/DN thành lập mới trên địa bàn).

- Xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư chi tiết trên địa bàn và tích cực kêu gọi, xúc tiến đầu tư trên địa bàn.

- Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và kịp thời thực hiện, áp dụng các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động, để khuyến khích các doanh nghiệp thành lập mới để khởi nghiệp. Tổ chức tư vấn trực tiếp hoặc qua điện thoại về gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp mới thành lập.

- Tổ chức gặp mặt doanh nghiệp trên địa bàn để trao đổi nắm bắt thông tin, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

1.15. Tiêu chí “Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về kế hoạch

hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2. Cải thiện, nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)

2.1. Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ tăng ít nhất 02% so với năm 2021 (năm 2021 là 88,36%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc bố trí gọn gàng, sạch sẽ và đầy đủ trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là bộ phận Một cửa).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh (đối với những nơi đã chuyển Bộ phận một cửa sang Bưu điện):

- + Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC một cách dễ dàng, nhanh chóng tại trụ sở của cơ quan, trên Trang TTĐT. Ngoài ra, mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết về cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC qua Đài Truyền thanh – Truyền hình, qua mạng xã hội.

- + Tiếp tục quan tâm cải thiện nơi làm việc, bổ sung thêm trang thiết bị, phương tiện phục vụ tiếp đón và làm việc tại Bộ phận một cửa đảm bảo đầy đủ biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức đến giao dịch; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ, dễ sử dụng; khắc phục những điểm bất hợp lý trong không gian đón tiếp, làm việc với người dân, tổ chức, chấm dứt tình trạng người dân, tổ chức phải đứng làm việc với cơ quan nhà nước hoặc vị trí ngồi giao dịch còn bất tiện, kém thoải mái.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Bưu điện tỉnh; Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.2. Chỉ số hài lòng về TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về TTHC tăng ít nhất 02% so với năm 2021 (năm 2021 là 88,9%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương

+ Phải niêm yết công khai, minh bạch TTHC tại vị trí thuận tiện, khoa học để người dân dễ tiếp cận, tìm hiểu; cập nhật đầy đủ, kịp thời những thay đổi của TTHC khi có quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền các hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của các Cổng/Trang TTĐT, vận hành hiệu quả Trang TTĐT của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh cung ứng DVCTT mức độ 3, mức độ 4 và có giải pháp để hỗ trợ, giúp người dân, tổ chức sử dụng DVCTT.

+ Nghiêm túc rà soát, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC rườm rà, phức tạp; hoặc đề xuất bổ sung loại giấy tờ cần thiết vào trong quy định, tránh tình trạng công chức giải quyết tự ý đòi bổ sung thêm các giấy tờ khác ngoài quy định; tăng cường các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức trong việc lập hồ sơ, TTHC (như xây dựng các bộ biểu mẫu tham khảo, thành lập các tổ tư vấn thực hiện thủ tục ngay tại Bộ phận một cửa, tư vấn qua điện thoại, website, ứng dụng di động,...).

+ Thực hiện đảm bảo đúng quy trình quy định trong giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhất là về thành phần hồ sơ, mức phí/lệ phí và thời hạn giải quyết.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Bưu điện tỉnh/Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.3. Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận một cửa:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận một cửa tăng ít nhất 02% so với năm 2021 (năm 2021 là 89%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động của Bộ phận Một cửa, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa; khi có phản ánh của người dân về thái độ, tình

thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện tại Bộ phận một cửa thì xác định lỗi và đề nghị thay đổi vị trí công tác (nếu cần).

- Sở Nội vụ, Bưu điện tỉnh tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bưu điện làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm, năng lực chuyên môn khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh:

- + Tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra và xử lý ngay các trường hợp vi phạm về thái độ giao tiếp ứng xử, nội quy, giờ giấc làm việc. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên bưu điện đòi hỏi giấy tờ sai quy định, tự đặt thêm khâu công việc, những nhiễu, tiêu cực. Chấp hành nghiêm các quy định về hướng dẫn hồ sơ bằng Phiếu hướng dẫn, đề nghị bổ sung hồ sơ không quá 01 lần và bằng văn bản, đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết phải có thông báo từ chối giải quyết hồ sơ, hồ sơ trễ hẹn phải có thông báo hẹn lại thời gian trả kết quả,... Không để người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần.

- + Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên bồi dưỡng, hỗ trợ cho nhân viên bưu điện làm việc tại Bộ phận một cửa để nắm vững quy định về TTHC để cung cấp thông tin, hướng dẫn TTHC cho người dân, tổ chức đúng quy định, tận tình và chu đáo.

- + Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi và chịu trách nhiệm về hoạt động của Bộ phận Một cửa, về thái độ, tinh thần trách nhiệm và năng lực giải quyết công việc của công chức một cửa và công chức chuyên môn có liên quan.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Sở Nội vụ/Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.4. Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2021 (năm 2021 là 91,45%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, trọng tâm là thực hiện trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập trong công tác cải cách TTHC; trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức phải đảm bảo kết quả giải quyết phù hợp với quy định, đầy đủ thông tin, thông tin chính xác và đảm bảo tính công bằng; kiên quyết xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh:

+ Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết. Đẩy mạnh ứng dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung để nâng cao tính công khai, minh bạch và kiểm soát việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Thực hiện nghiêm túc việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC xảy ra sai sót, quá hạn đối với kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Triển khai đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Bưu điện tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

2.5. Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC tăng ít nhất 10% so với năm 2021 (năm 2021 là 72,27%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và Bưu điện tỉnh:

+ Phân công cán bộ, công chức, viên chức sẵn sàng tiếp nhận, giải đáp, hướng dẫn những vấn đề mà người dân, tổ chức còn vướng mắc; kết quả trả lời, giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị phải được phản hồi trực tiếp, nhanh chóng cho người dân, tổ chức và công bố công khai qua Cổng/Trang TTĐT, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại nơi làm việc và các hình thức phù hợp khác.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng của Bộ phận Kiểm soát TTHC - Văn phòng UBND tỉnh, của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kiểm tra và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3. Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã thực hiện tốt, đạt hiệu quả

3.1. Tiêu chí “Thực hiện kế hoạch CCHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành 100% kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh đảm bảo đúng thời gian; nội dung kế hoạch phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chỉ tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm; đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đạt 100%.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.2. Tiêu chí “Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo định kỳ về CCHC gửi Bộ Nội vụ theo quy định tại Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3.3. Tiêu chí “Công tác kiểm tra CCHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Kiểm tra từ 30% trở lên cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện; 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công tác CCHC hàng năm của tỉnh; kế hoạch kiểm tra phải đáp ứng đủ tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương được kiểm tra khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác CCHC, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo Kế hoạch.

3.4. Tiêu chí “Công tác tuyên truyền CCHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và đa dạng tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm của tỉnh, từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả/sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm; hình thức tuyên truyền phải được thực hiện ít nhất bằng cả 03 hình thức: Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh, đồng thời nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo đa dạng thêm các hình thức tuyên truyền khác như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác; đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đạt 100%.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo Kế hoạch.

3.5. Tiêu chí “Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên được hội đồng thẩm định Trung ương công nhận.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, đề xuất sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC chung của tỉnh. Đảm bảo hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01

sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.6. Tiêu chí “Theo dõi tình hình thi hành pháp luật (TDTHPL)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

- Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, ban hành đầy đủ văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo Kế hoạch.

3.7. Tiêu chí “Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực kịp thời, đúng quy định; 100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND tỉnh kịp thời và đúng quy định.

- Thực hiện báo cáo công tác rà soát văn bản QPPL theo quy định, đảm bảo 100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm 2023.

3.8. Tiêu chí “Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% văn bản hoàn thành việc xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành thực hiện tham mưu UBND tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật do các bộ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị xử lý đối với văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị; đảm bảo 100% văn bản hoàn thành việc xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022 (nếu có).

3.9. Tiêu chí “Kiểm soát quy định TTHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

Văn phòng UBND tỉnh

- Thực hiện kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo văn bản QPPL do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trình, trong đó thực hiện đầy đủ việc đánh giá tác động, thẩm định, công bố theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm, tổ chức thực hiện và tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện, đảm bảo tất cả các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC đều được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo Kế hoạch.

3.10. Tiêu chí thành phần “Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC được công bố kịp thời và công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành tỉnh thường xuyên theo dõi quyết định công bố của bộ, cơ quan ngang bộ; theo trách nhiệm của ngành, lĩnh vực, kịp thời xây dựng dự thảo quyết định công bố danh mục TTHC, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC; trên cơ sở quyết định công bố nhóm TTHC liên thông của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các sở, ban, ngành tỉnh trong phạm vi, trách nhiệm của mình kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục nhóm TTHC liên thông; trong quá trình rà soát các TTHC, xét cần thiết đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố nhóm TTHC thí điểm liên thông tại các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành.

- Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo quy định tại tiết b khoản này.

3.11. Tiêu chí thành phần “Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành tỉnh kịp thời cập nhật danh mục, thông tin TTHC của tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Theo quy định tại tiết b khoản này.

3.12. Tiêu chí thành phần “Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được công bố quy trình nội bộ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sau khi có quyết định công bố TTHC các sở, ban, ngành tỉnh theo trách nhiệm của ngành, lĩnh vực, kịp thời xây dựng dự thảo quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành hoặc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Sau khi có quyết định công bố TTHC.

3.13. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Trung tâm hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức công khai đầy đủ các TTHC, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022/Sau khi có quyết định công bố TTHC.

3.14. Tiêu chí thành phần “Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng DVC của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT và Cổng DVC của tỉnh.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã cập nhật đầy đủ các hồ sơ tiếp nhận vào Hệ thống Một cửa điện tử; thực hiện đúng các quy trình xử lý và cập nhật, kết thúc hồ sơ đúng với tình trạng

xử lý thực tế để tránh tình trạng thống kê giữa hệ thống một cửa và thực tế không đồng nhất, làm ảnh hưởng đến tổng hợp chung của toàn tỉnh. Thực hiện cập nhật bộ TTHC, các biểu mẫu theo quy định mới; sử dụng các trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đúng quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.15. Tiêu chí “Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở, huyện, xã được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa của cấp sở, huyện, xã; 100% số TTHC trong Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có) được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp; Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp; Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện đúng quy định việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Đề nghị Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Công an cấp huyện, Bảo hiểm xã hội cấp huyện nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.16. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giải quyết đúng hạn 100%.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: UBND cấp huyện, cấp xã tập trung tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; nếu để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định

về việc xin lỗi người dân, tổ chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.17. Tiêu chí thành phần “Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn; nếu để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC phải thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.18. Tiêu chí thành phần “Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 80% - 100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định về tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, xác định nguyên nhân, triển khai các biện pháp cải thiện chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC; quan tâm hơn nữa việc đánh giá giải quyết TTHC nói riêng, cải cách TTHC nói chung; tích cực phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh trong đánh giá giải quyết TTHC nhằm bảo đảm việc đánh giá phản ánh thực trạng, đáp ứng mục đích, yêu cầu của việc đánh giá, từ đó góp phần nâng cao sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với cơ quan nhà nước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.19. Tiêu chí “Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời và công khai theo quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Xử lý hiệu quả và công khai theo quy định 100% số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.20. Tiêu chí “Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện; 100% sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định về lãnh đạo cấp sở và tương đương; 100% số phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh, số phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó và có cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo; giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 từ 10% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Thực hiện nghiêm Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc sắp xếp lại bộ máy bên trong các chi cục, ban trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

+ Căn cứ Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ chủ quản, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thực hiện đúng quy định.

+ Tham mưu bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở đúng quy định về cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện rà soát, sắp xếp lại cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng thuộc cơ quan mình một cách hợp lý.

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2026.

- Sở Nội vụ: Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII như Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/ 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/ 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/Thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.21. Tiêu chí “Thực hiện các quy định về quản lý biên chế”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính, tổng số lượng người làm việc được giao; giảm biên chế so với năm 2021 từ 10% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng biên chế hành chính không vượt quá số lượng so với số biên chế hành chính được giao; số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập không vượt quá số lượng so với số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền giao theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.22. Tiêu chí “Thực hiện phân cấp quản lý”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã và 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước; kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP; tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra phải được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.23. Tiêu chí “Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; 100% đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đảm bảo: Các cơ quan, tổ chức hành chính phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh phải thực hiện đúng các quy định sau: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; hoàn thiện việc

xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.24. Tiêu chí “Tuyển dụng công chức, viên chức”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tuyển dụng công chức tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổ chức tuyển dụng cấp xã; tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.25. Tiêu chí “Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tổ chức thi nâng ngạch công chức, các sở, ban, ngành tổ chức thi thăng hạng viên chức; việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh (hoặc được ủy quyền); việc tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.26. Tiêu chí “Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện khi bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.27. Tiêu chí thành phần “Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định tại Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Sở Nội vụ.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.28. Tiêu chí “Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hoàn thành 100% kế hoạch.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022; thường xuyên báo cáo kết quả triển khai, khó khăn, vướng mắc về Sở Nội vụ để kịp thời tháo gỡ, giải quyết.

- Sở Nội vụ thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo Kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch (nếu cần thiết), đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch đề ra.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.29. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: UBND cấp huyện thường xuyên rà soát lại tổng thể đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ công chức cấp xã; ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; có cơ chế đặc biệt nhằm tiếp tục khuyến khích công chức tự học tập, bồi dưỡng.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.30. Tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách Nhà nước (NSNN)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Không có sai phạm.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Tài chính:

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc lập dự toán phải trên cơ sở chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước, dự toán phải bảo đảm chi tiết theo từng nội dung chi, thuyết minh rõ cơ sở căn cứ tính toán từng nội dung chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Quá trình thực hiện chi các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải thực hiện chi theo đúng dự toán được giao, chế độ tiêu chuẩn, định mức quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; kinh phí kinh phí đặc thù cuối năm chi không hết phải hoàn trả lại ngân sách hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

+ Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính phải tổ chức rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định để thực hiện chi tiêu, bảo đảm quy chế phải quy định rõ các nội dung chi theo chế độ, mức chi của từng nội dung chi.

+ Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.31. Tiêu chí “Công tác quản lý, sử dụng tài sản công”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Ban hành các văn bản đảm bảo nội dung, đầy đủ, đúng thời gian và công khai theo quy định; 100% cơ quan, đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công từ 80% trở lên; Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

- Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.32. Tiêu chí thành phần “Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên”; Tiêu chí thành phần “Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên”.

a) Mục tiêu, yêu cầu: Có thêm từ 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên và 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự

chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.33. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trong năm đánh giá so với năm 2021 tối thiểu từ 2,5% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Căn cứ hướng dẫn về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực của các cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) mỗi năm giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.34. Tiêu chí thành phần “Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Tiếp tục duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.35. Tiêu chí thành phần “Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông triển khai vận hành hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh; đồng thời thực hiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.36. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100%; 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 90% trở lên; 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 70% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Một cửa điện tử...).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.37. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% sở, ngành và tương đương, UBND cấp huyện, cấp xã kết nối.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông duy trì việc thực hiện kết nối, liên thông hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành (liên thông 4 cấp: Trung ương - tỉnh - huyện - xã).

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.38. Tiêu chí thành phần “Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử”; Tiêu chí thành phần “Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh có đầy đủ chức năng theo quy định và kết nối liên thông tới 100% sổ sở, ngành cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông duy trì vận hành, sử dụng hiệu quả Hệ thống một cửa điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã và kết nối với Cổng DVC của tỉnh (<https://dichvucong.gialai.gov.vn>); đồng thời duy trì kết nối Cổng DVC của tỉnh với Cổng DVC quốc gia; thực hiện công khai tiến độ, kết quả xử lý hồ sơ lên Cổng DVC của tỉnh và các Cổng/Trang TTĐT của các đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.39. Tiêu chí thành phần “Xây dựng, vận hành Cổng DVC”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ DVCTT mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoàn thiện và vận hành có hiệu quả Cổng DVC của tỉnh; cung cấp, tích hợp các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng DVC quốc gia theo mức độ yêu cầu của Chính phủ; tăng cường triển khai xây dựng và cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 theo yêu cầu của Chính phủ và của UBND tỉnh và tích hợp vào Cổng DVC của tỉnh; nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý qua DVCTT mức độ 3, mức độ 4.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.40. Tiêu chí thành phần “Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh”; Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ từ 30% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp: Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục duy trì kết nối hệ thống báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; đồng thời triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Tiếp tục duy trì, tăng cường sử dụng có hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh. Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật lên Cổng/Trang TTĐT các đơn vị, địa phương.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.41. Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI”; Tiêu chí thành phần “Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI; Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên được trả qua dịch vụ BCCI.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục phối hợp, tổ chức thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 784/UBND-NC ngày 22/4/2022 về việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp, tuyên truyền, vận động hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ BCCI trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.42. Tiêu chí “Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: 100% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; 100% CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng quy trình ISO 9001.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh;

+ Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức về HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kỹ năng đánh giá nội bộ, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức đang áp dụng HTQLCL.

+ Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về HTQLCL cho đội ngũ công chức để kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc duy trì HTQLCL của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước ở tỉnh Gia Lai.

+ Tiếp tục vận hành có hiệu quả HTQLCL điện tử (ISO điện tử) theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Thông tin Truyền thông.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Tăng cường hoạt động phổ biến áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL.

+ Thường xuyên rà soát sửa đổi các Quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện và cấp xã để có sự thống nhất về thời gian quy định trong Quy trình nội bộ giải quyết TTHC do UBND tỉnh ban hành; thống nhất thành phần hồ sơ quy định trong Bộ TTHC do các cơ quan Trung ương ban hành; rà soát, sửa đổi các quy trình của HTQLCL đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của đơn vị, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

+ UBND cấp huyện thường xuyên kiểm tra đôn đốc UBND cấp xã thực hiện công tác duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo đúng quy định; tổ chức triển khai kiểm tra tình hình duy trì, cải tiến HTQLCL tại UBND các xã, thị trấn. Đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng đánh giá nội bộ để duy trì, cải tiến HTQLCL cho cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công chức cấp xã.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.43. Tiêu chí “Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Năm 2022 tăng so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

- Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh so với quy định. Không đặt ra các khoản thu, các điều kiện ràng buộc ngoài quy định.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.44. Tiêu chí “Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 04% trở lên.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện tuyên truyền các quy định về thuế với nhiều hình thức đa dạng nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế; hỗ trợ người nộp thuế trong trạng thái sau dịch Covid-19. Kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi để doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo cơ sở để tăng thu cho ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt việc miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo chủ trương của Chính phủ; có giải pháp ứng phó, tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế.

- Đơn giản hóa TTHC về thuế, duy trì dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử và hóa đơn điện tử; bảo đảm hệ thống công nghệ thông tin thông suốt để hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước từ đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử (qua mạng)...; chú trọng giảm thời gian thực hiện các thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Rà soát, giám sát chặt chẽ hồ sơ khai thuế của người nộp thuế trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; phân tích rủi ro, tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế theo kế hoạch được duyệt trong năm 2022; không thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp không có dấu hiệu vi phạm nhưng không để doanh nghiệp lợi dụng chủ trương hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn... để gian lận, trốn thuế, vi phạm pháp luật thuế; có giải pháp chế tài, xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật thuế nêu trên.

- Tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả nhóm giải pháp quản lý thu, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ công tác hoàn thuế giá trị gia tăng; khai thác tăng thêm nguồn thu thông qua rà soát các dự án hết thời hạn ưu đãi thuế, dự án mới phát sinh, các khoản truy thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra... nhằm thu đúng, đủ, kịp thời thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về hóa đơn điện tử có mã xác nhận hoặc không có mã xác nhận của cơ quan thuế theo quy định của Bộ Tài chính.

- Ngành thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các cấp tập trung thực hiện tốt công tác thu hồi nợ thuế, xử lý cưỡng chế nợ thuế đúng pháp luật, rà soát các trường hợp khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước và công tác chống thất thu thuế trên địa bàn, đặc biệt là chống thất thu chuyển nhượng bất động sản để góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

3.45. Tiêu chí “Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)”:

a) Mục tiêu, yêu cầu: Năm 2022 tăng cao hơn so với năm 2021.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, các quy định về quản lý vốn đầu tư công và chỉ đạo của UBND tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

- Thực hiện có hiệu quả các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

c) Phân công trách nhiệm

- Cơ quan phụ trách: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp/thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện/hoàn thành: Trong năm 2022.

(Một số mục tiêu cụ thể nhằm duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai năm 2022 trong phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, đề ra các biện pháp, giải pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ với nguyên tắc “rõ việc - rõ người - rõ trách nhiệm - rõ thời gian - rõ hiệu quả” cho các phòng, ban, đơn vị và cho từng cán bộ, công chức, viên chức gắn với thường xuyên kiểm tra, đôn đốc quyết liệt để triển khai thực hiện tại cơ

quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm theo Kế hoạch này và chỉ đạo của UBND tỉnh. **Thời gian gửi kế hoạch góp phần khắc phục, duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS tỉnh Gia Lai năm 2022 về Sở Nội vụ chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kế hoạch này.**

Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện (lồng ghép trong báo cáo CCHC) về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh).

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường giám sát việc triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương, đặc biệt đối với việc giải quyết TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; vận động các hội viên, đoàn viên tích cực và tự giác tham gia với tư cách thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia xây dựng chính quyền.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai, Cổng TTĐT tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, kịp thời phát hiện, nêu gương các điển hình tiên tiến trong công tác CCHC của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các sáng kiến CCHC có hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời phản ánh những hạn chế, tồn tại của bộ máy, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện CCHC.

4. Giao Sở Nội vụ làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC được xác định trong Đề án Chỉ số CCHC. Định kỳ hàng quý tổng hợp, lồng ghép việc thực hiện kế hoạch này vào báo cáo CCHC để báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện gửi);
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, NC, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông

Phụ lục
MỤC TIÊU CỤ THỂ NHẪM DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC, CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN,
TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH GIA LAI NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số 2126 /KH-UBND ngày 19 /09 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Lĩnh vực/Tiền chi/Tiền chi thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	2	3	4	5	6
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch
2	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo yêu cầu của Bộ Nội vụ
3	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	Từ 30% trở lên cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		năm		Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
4	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra hoàn thành việc xử lý	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sau khi kết thúc đợt kiểm tra
5	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	- Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH của tỉnh. - Ngoài các hình thức trên, tuyên truyền thêm ít nhất một trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về	Sở Nội vụ	Công đoàn viên chức tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên trong năm/theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác.			
6	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên (Hàng năm, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp, gửi Bộ Nội vụ thẩm định)	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
7	TC 1.6 - Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	TCTP 2.1.1 - Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: + Thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện công tác kiểm tra	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo kế hoạch

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		tình hình thi hành pháp luật. + Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.			
2	TCTP 2.1.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
3	TCTP 2.2.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Thực hiện công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực kịp thời, đúng quy định.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm 2023
4	TCTP 2.2.2- Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	100% văn bản QPPL hoàn thành việc xử lý sau rà soát	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm/kết thúc năm đánh giá
5	TC 2.3 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị.	100% văn bản hoàn thành việc xử lý (nếu có)	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	TCTP 3.1.1 - Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Không ban hành các quy định TTHC (nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...) trái với thẩm quyền được giao	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2	TCTP 3.1.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	100% vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo kế hoạch/kết thúc năm đánh giá
3	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời và đã công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định của bộ, ngành Trung ương	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	- Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. - Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.
4	TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
					làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.
5	TCTP 3.2.3 - Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã được công bố quy trình nội bộ	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sau khi có quyết định công bố TTHC
6	TCTP 3.2.4 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	100% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Trung tâm hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh, huyện, xã/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm/Sau khi có quyết định công bố TTHC
7	TCTP 3.2.5 - Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền của tỉnh được công khai trên Cổng TTĐT của tỉnh, Cổng DVC của tỉnh; 100% CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm/Sau khi có quyết định công bố TTHC

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
8	TCTP 3.2.6 - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng DVC của tỉnh	100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT và Cổng DVC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm
9	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp sở, huyện, xã được tiếp nhận và trả kết quả giải tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Một cửa của cấp sở, huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm
10	TCTP 3.3.2 - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	80% trở lên số TTHC trong Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 và các văn bản khác (nếu có) được đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm
11	TCTP 3.3.3 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Từ 50 TTHC trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
12	TCTP 3.3.4 - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
13	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng	Sở, ban, ngành	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		UBND tỉnh	tỉnh	
14	TCTP 3.4.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện	Thường xuyên trong năm
15	TCTP 3.4.3 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Giải quyết đúng hạn 100%	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp xã	Thường xuyên trong năm
16	TCTP 3.4.4 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Khi để xảy ra trễ hẹn
17	TCTP 3.4.5 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	80% - 100% CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên trong năm
18	TCTP 3.5.1 - Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được trả lời	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sau khi có phản ánh kiến nghị/theo thời gian quy định
19	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sau khi có văn bản trả lời/theo thời gian quy định
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
1	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn	Thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Khi có quy định mới của Trung ương về tổ chức bộ

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	cấp huyện			huyện	máy có hiệu lực thi hành
2	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	100% sở, ban, ngành tỉnh thực hiện đúng quy định về lãnh đạo cấp sở và tương đương; 100% số phòng thuộc sở, ban, ngành tỉnh, số phòng thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó và có cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
3	4.1.3 - Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015	Từ 10% trở lên	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022 và những năm tiếp theo
4	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
5	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Sử dụng không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
6	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	Từ 10% trở lên	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022 và những năm tiếp theo
7	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ,	Thực hiện các nhiệm vụ theo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành	Trong năm 2022 và những

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	ngành ban hành	đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.		tỉnh; UBND cấp huyện	năm tiếp theo
8	TCTP 4.3.2 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	Có thực hiện theo quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
9	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
V	CẢI CÁCH CÔNG VỤ				
1	TCTP 5.1.1 - Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Ban hành đầy đủ, kịp thời	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
2	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Trong năm 2022
4	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo kế hoạch (nếu có)
5	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Theo kế hoạch (nếu có)
6	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	Thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo kế hoạch (nếu có)
7	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	Thực hiện đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Theo kế hoạch (nếu có)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				huyện	
8	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương, lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
9	TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định tại Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Theo quy định
10	TCTP 5.5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
11	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
12	TCTP 5.7.1 - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	100% công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
13	TCTP 5.7.2 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2022
2	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước	Không có sai phạm	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
3	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Thực hiện 100% kiến nghị	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2022
4	TCTP 6.2.1 - Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	Ban hành các văn bản đảm bảo nội dung, đầy đủ, đúng thời gian và công khai theo quy định	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
5	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% cơ quan, đơn vị ban hành	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
6	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền	Từ 80% trở lên cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Thường xuyên trong năm

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	quản lý	duyet phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công		huyện	
7	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Có kiểm tra theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
8	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Có thêm từ 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
9	TCTP 6.3.2 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Có thêm từ 02 đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
10	TCTP 6.3.3 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Không có sai phạm	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
11	TCTP 6.3.4 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trong năm đánh giá so với năm 2021 từ 2,5% trở lên	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Trong năm 2022
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
2	TCTP 7.1.2 - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
3	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Hạn chế tối đa văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
4	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	- 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100%. - 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 90% trở lên. - 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 70% trở lên.			
5	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	100% sở, ngành và tương đương, UBND cấp huyện, cấp xã kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
6	TCTP 7.1.6 - Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh có đầy đủ chức năng theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
7	TCTP 7.1.7 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh kết nối liên thông tới 100% số sở, ngành cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
8	TCTP 7.1.8 - Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công	Đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và tích hợp đầy đủ DVCTT mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
9	TCTP 7.1.9 - Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	100% DVC được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh;	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				UBND cấp huyện	
10	TCTP 7.1.10 - Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
11	TCTP 7.1.11 - Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Từ 30% trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
12	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	Từ 50% trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
13	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4	Từ 50% trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
14	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/tra kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Từ 50% trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
15	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				huyện, cấp xã	
16	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
17	TCTP 7.4.1 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định	100% CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
18	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	100% CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng quy trình ISO 9001	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA TỈNH				
1	TCTP 8.1.1 - Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
2	TCTP 8.1.2 - Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
				huyện, cấp xã	
3	TCTP 8.1.3 - Chỉ số hài lòng về công chức tại Bộ phận Một cửa thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 02% so với năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
4	TCTP 8.1.4 - Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Giữ vững hoặc nâng cao tỷ lệ hài lòng so với năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
5	TCTP 8.1.5 - Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC thuộc Chỉ số SIPAS	Tăng ít nhất 10% so với năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2022
6	TC 8.2 - Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Năm 2022 cao hơn so với năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2022
7	TCTP 8.3.1 - Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Tăng từ 20% trở lên so với năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2022

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Mục tiêu, yêu cầu	Cơ quan phụ trách	Cơ quan phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
8	TCTP 8.3.2- Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Năm 2022 tăng so với năm 2021	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2022
9	TC 8.4 - Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 04% trở lên	Sở Tài chính	Cục thuế tỉnh các cơ quan, đơn vị liên quan/Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Trong năm 2022
10	TC 8.5 - Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Năm 2022 tăng cao hơn so với năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2022
11	TC 8.6 - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao đạt và vượt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2022